

THÔNG BÁO

Về việc nộp hồ sơ học sinh hưởng các chế độ an sinh xã hội năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04-9-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học.

Căn cứ các Nghị định: Số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người; số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT- BGDDĐT- BLĐTBXH -BTC, ngày 31/12/2013 của liên Bộ: Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTB&XH, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về Chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4-6-2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16-9-2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định 104/2022/NĐ-CP ngày 21-12-2022 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú, giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ Công văn số 296/BDTTG-CS ngày 10/4/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại;

Nhà trường thông báo tới các bậc phụ huynh, các em học sinh và các thầy cô giáo chủ nhiệm cùng toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên trong trường về đối tượng, trình tự thủ tục xét, thời gian nộp hồ sơ hưởng các chế độ tại trường như sau:

I. Chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ

1) Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

1.1 Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

1.2 Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là người khuyết tật.

1.3. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

1.4. Trẻ em học mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ (trong trường hợp ở với người giám hộ) có nơi thường trú và đang học tại cơ sở giáo dục ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn khác theo quy định của địa phương trong trường hợp trên địa bàn thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo không có cơ sở giáo dục.

2) Hồ sơ:

- Đơn theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, kèm theo bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ trong trường hợp sau:

+ Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do Ủy ban nhân dân xã, phường cấp áp dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

+ Giấy xác nhận khuyết tật hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội do Ủy ban nhân dân xã, phường cấp áp dụng đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

+ Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

+ Thẻ Căn cước công dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

II. Hồ sơ học sinh hưởng chế độ hỗ trợ theo TTLT 42/2013/TTLT BGDDT-BLĐTBXH-BTC.

1. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ

Trẻ mầm non, học sinh là người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang học tại các cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là người khuyết tật).

2 Chính sách học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập

a, Người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học tại các cơ sở giáo dục được hưởng học bổng mỗi tháng bằng 80% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ.

Người khuyết tật thuộc đối tượng được hưởng chính sách đang học tập tại cơ sở giáo dục đại học, trung cấp chuyên nghiệp được cấp học bổng 10 tháng/năm học; người khuyết tật thuộc đối tượng được hưởng chính sách đang học tập tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập được cấp học bổng 9 tháng/năm học.

b, Không áp dụng chế độ này đối với các đối tượng người khuyết tật đã được hưởng học bổng chế độ chính sách theo quy định tại Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

c, Người khuyết tật thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo đang học tại các cơ sở giáo dục được hỗ trợ kinh phí để mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập với mức 1.000.000 đồng/người/năm học. Người khuyết tật thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất.

d, Các cơ sở giáo dục công lập có người khuyết tật đang theo học được Nhà nước hỗ trợ kinh phí để mua sách, tài liệu học tập, đồ dùng học tập đặc thù dùng chung, đảm bảo ở mức tối thiểu.

3. Hồ sơ nộp hồ sơ đối với học sinh khuyết tật theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTBLĐXH-BTC

- Đơn có xác nhận của nhà trường (mẫu đơn theo phụ lục).
- Giấy chứng nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao).
- Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND xã, phường cấp (bản sao).

III. Hồ sơ học sinh hưởng chế độ hỗ trợ theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP

1. Đối tượng áp dụng

1.1. Trẻ mẫu giáo, học sinh thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người: Công, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ (sau đây gọi chung là dân tộc thiểu số rất ít người).

1.2. Các cơ sở giáo dục, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người.

2. Chính sách ưu tiên tuyển sinh

Các trường thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

3. Chính sách hỗ trợ học tập

3.1. Trẻ mẫu giáo dân tộc thiểu số rất ít người học tại các cơ sở giáo dục mầm non được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 30% mức lương cơ sở/trẻ/tháng.

3.2. Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 40% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

3.3. Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú hoặc là học sinh bán trú học tại trường phổ thông công lập có học sinh bán trú được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 60% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

4. Nguyên tắc hưởng hỗ trợ

Trường hợp học sinh ngừng học thì thời gian ngừng học không được hưởng hỗ trợ. Trường hợp học sinh bị buộc thôi học thì thôi hưởng chính sách hỗ trợ ngay sau khi thôi học.

Trường hợp trẻ mẫu giáo, học sinh thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ cùng tính chất thì chỉ được hưởng một chính sách với mức hỗ trợ cao nhất, cụ thể:

Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú hoặc là học sinh bán trú học tại trường phổ thông công lập có học sinh bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ học tập quy định tại Nghị định này không được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

5. Hồ sơ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP).

III. Thời gian nộp hồ sơ:

1. Thời gian nộp hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần: Kể từ ngày 15/9/2025 đến hết ngày 30/9/2025, hồ sơ nộp trực tiếp cho giáo viên chủ nhiệm các lớp.

- Học kỳ II năm học 2025-2026: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần: Kể từ ngày 02/01/2026 đến hết ngày 30/01/2026, hồ sơ nộp trực tiếp cho giáo viên chủ nhiệm các lớp.

2. Nhà trường yêu cầu giáo viên chủ nhiệm các lớp có trách nhiệm thông báo, đôn đốc phụ huynh học sinh nộp hồ sơ, các giấy tờ thủ tục liên quan đến chế độ cho giáo viên chủ nhiệm, GVCN có trách nhiệm thu hồ sơ của học sinh và nộp hồ sơ về bộ phận kế toán đúng thời gian quy định.

3. Mọi vướng mắc phụ huynh liên hệ trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm để được giải quyết./.

Nơi nhận:

- GVCN các lớp;
- Trang web nhà trường;
- Lưu: VT, KT



Bùi Thị Kim Chi

Được quét bằng CamScanner